

Bản án số: 923/2024/HS-PT
Ngày 15/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;
Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 580/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1984, tại tỉnh Hưng Yên; nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện tại: Thôn K, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Nguyên công chức NHNNVN Chi nhánh H8; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên (đã bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng ngày 16/3/2022); con ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T; có chồng là anh Lương Thế Đ và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2017 đến ngày 11/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho Bảo lãnh. Hiện nay tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Hồng P và Luật sư Ngô Thị Thu H - Công ty L6, Đoàn luật sư thành phố H. Luật sư P vắng mặt, Luật sư H có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án triệu tập:

+ Đặng Thị H1, sinh năm 1961; HKTT và nơi ở hiện tại: số E M, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

+ Vũ Việt T1, sinh năm 1960; HKTT và nơi ở hiện tại: số C đường H, phường Q, TP H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

+ Vũ Thị L1, sinh năm 1963; HKTT và nơi ở hiện nay: Số B đường Đ, phường L, TP H, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1954; HKTT và nơi ở hiện nay: thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

+ Trịnh Anh T2, sinh năm 1992; HKTT và nơi ở hiện tại: thôn N, xã H, TP H, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

- **Bị hại:** Ngân hàng N4; Địa chỉ: Số D đường L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D - Trưởng phòng quản lý kho quỹ, Cục phát hành và kho quỹ. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng N4; Địa chỉ: Số D đường L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D - Trưởng phòng quản lý kho quỹ, Cục phát hành và kho quỹ. Có mặt.

2. Ngân hàng N4 chi nhánh tỉnh H8; Địa chỉ: Số C N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C - Phó Giám đốc. Có mặt.

3. Ngân hàng N5, chi nhánh tỉnh H8; Địa chỉ: Số G N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thanh H2 - Cán bộ pháp chế. Vắng mặt.

4. Ngân hàng N5, chi nhánh H8; Địa chỉ: Số F đường N, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ1 - Trưởng phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Có mặt.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần N6 Chi nhánh P2; Địa chỉ: Số A đường C, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H3 - Phó trưởng phòng kế toán. Vắng mặt.

6. Ngân hàng thương mại cổ phần N6 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Số B N, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Phương T3 - Phó trưởng phòng phụ trách ngân quỹ. Có mặt.

7. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ3 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Số B đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức L2 - Phó Giám đốc. Vắng mặt.

8. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ3 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Ngã tư P, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Văn Thị Ngọc H4 - Trưởng phòng giao dịch khách hàng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

9. Ngân hàng thương mại cổ phần S Chi nhánh H8; Địa chỉ: Số B đường Đ, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T4 - Phó Giám đốc. Vắng mặt.

10. Ngân hàng H9 chi nhánh H8; Địa chỉ: Số B đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Minh H5 - Trưởng phòng kiểm tra nội bộ. Vắng mặt.

11. Ngân hàng thương mại cổ phần B1, Chi nhánh H8; Địa chỉ: Số D N, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Thu H6 - Trưởng phòng dịch vụ khách hàng và kho quỹ. Vắng mặt.

12. Ngân hàng thương mại cổ phần S1 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Đường N, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Thành D1 - Trưởng phòng kế toán và quỹ. Vắng mặt.

13. Ngân hàng thương mại cổ phần C1 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Đường N, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình Đ2 - Phó giám đốc. Có mặt.

14. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ4 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Số F N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B - Trưởng phòng tiền tệ kho quỹ. Vắng mặt.

15. Ngân hàng thương mại cổ phần A1 Chi nhánh H8; Địa chỉ: đường N, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T5 - Cán bộ phòng hành chính. Vắng mặt.

16. Ngân hàng thương mại cổ phần C1 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Số A đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T6 - Phó Giám đốc. Có mặt.

17. Ngân hàng thương mại cổ phần K2 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Số E đường N, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị D2 - Trưởng kho quỹ. Vắng mặt.

18. Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 Chi nhánh H8; Địa chỉ: Khu công nghiệp P, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lan P1 - Trưởng phòng dịch vụ khách hàng. Vắng mặt.

19. Ngân hàng thương mại cổ phần Q3 - Chi nhánh H8; Địa chỉ: Tầng A, tầng E Tòa nhà V, số E, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Đình Q1 - Giám đốc. Vắng mặt.

20. Ngân hàng thương mại cổ phần Á Chi nhánh H8; địa chỉ: Số D N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Việt N - Trưởng phòng vận hành giao dịch ngân quỹ. Vắng mặt.

21. Chị Trần Thị D3, sinh năm 1976; Nơi làm việc: Ngân hàng N4 - Chi nhánh H8. Có mặt.

22. Chị Vũ Thị N1, sinh năm 1993; Nơi làm việc: Ngân hàng N4 - Chi nhánh H8. Có mặt.

23. Chị Nguyễn Thị H7, sinh năm 1980; Nơi làm việc: Ngân hàng N4 - Chi nhánh tỉnh B. Vắng mặt.

24. Ông Trần Hoài N2, sinh năm 1960 (đã chết năm 2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Hoài N2:

- Cháu Trần Diệu L3, sinh năm 2009; Vắng mặt.

- Anh Trần Quang T7, sinh năm 1985; Trú tại: P Chung cư C, D, T, N, Hà Nội. Vắng mặt.

- Chị Trần Huyền T8, sinh năm 1990; Trú tại: L, đường V, huyện T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cháu L3, anh T7, chị T8: Bà Phạm Thị L4, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn Q, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với việc thiếu hụt 1.919.000.000 đồng không đủ tiêu chuẩn lưu thông (KĐTCLT) và 363.100.000 đồng đủ tiêu chuẩn lưu thông (ĐTCLT).

Ngày 07/9/2015, Kho tiền Trung ương I tiến hành nhận tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông (KĐTCLT) tại Ngân hàng N4 Chi nhánh tỉnh H8 (NHNNVN-CNHY) đã phát hiện 02 bó tiền mệnh giá 500.000 đồng (trị giá 01 tỷ đồng) của Ngân hàng thương mại cổ phần () Ngoại thương Chi nhánh H8 đóng bó, lỏng bất thường nên không nhận. NHNNVN-CNHY đã thành lập Hội đồng kiểm đếm theo quy định để kiểm đếm theo tờ đối với 02 bó tiền trên, đã phát hiện thiếu tổng số: 119 tờ, trị giá: 59.500.000 đồng, trong đó: Bó thứ nhất niêm phong ngày 16/6/2015 thiếu: 54 tờ trong 02 thếp tiền, bó thứ hai niêm phong ngày 17/8/2015 thiếu 65 tờ trong 03 thếp tiền.

Ngày 07/10/2015, ông Nguyễn Công K1 (*Thủ kho dự trữ phát hành NHNNVN-CNHY*) tiến hành nhận tiền do Nguyễn Thị L (*Thủ kho Quỹ nghiệp vụ phát hành NHNN-CNHY*) chuyển giao đã phát hiện 05 bó tiền KĐTCLT, mệnh giá 200.000 đồng (trị giá 01 tỷ đồng) do N7 Chi nhánh H8 đóng bó đã nộp cho NHNNVN-CNHY có dấu hiệu lỏng bất thường nên không nhận, trả lại L. NHNNVN-CNHY tiến hành thành lập Hội đồng kiểm đếm theo quy định để kiểm đếm số tờ trong 05 bó tiền trên, đã phát hiện cả 05 bó tiền đều thiếu nhiều tờ trong một bó, thiếu tổng số 205 tờ, trị giá: 41.000.000 đồng, bó thiếu nhiều nhất 54 tờ, ít nhất 28 tờ, tập trung thiếu trong 02 hoặc 03 thép tiền ở giữa bó.

Ngày 11/10/2015, NHNNVN-CNHY tiếp tục kiểm đếm 192 tỷ đồng, loại tiền KĐTCLT, mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng do 14 Ngân hàng TMCP đóng bó đã nộp về NHNNVN-CNHY đã phát hiện thiếu 128 tờ loại 200.000 đồng và 796 tờ mệnh giá 500.000 đồng, thừa 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, quy đổi và khấu trừ còn thiếu: 423.400.000 đồng. Việc thiếu tiền trong các bó cũng tập trung vào 02 hoặc 03 thép, đặc biệt có bó mệnh giá 500.000 đồng niêm phong ngày 02/10/2015 của N8 chi nhánh H8 thiếu 90 tờ. Trước việc thiếu hụt nghiêm trọng, có tính bất thường, NHNNVN-CNHY đã báo cáo vụ việc cho Ngân hàng N4 (N9) và Công an tỉnh H.

NHNNVN đã chuyển trả lại: 1.408 tỷ đồng, loại tiền KĐTCLT, mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng do NHNNVN-CNHY đã nộp về NHNNVN từ trước để kiểm đếm. Các bao tiền được chuyển lại NHNNVN-CNHY còn nguyên niêm phong, kẹp chỉ bao tiền, không bị rách, thùng bao. Kết quả kiểm đếm: 1.408 tỷ đồng, phát hiện thiếu: 1.395.100.000 đồng. Việc thiếu hụt tiền trong lần kiểm đếm: 1.408 tỷ đồng cũng có đặc điểm như việc thiếu hụt tiền lần kiểm đếm: 194 tỷ đồng do NHNNVN-CNHY đang quản lý đã kiểm đếm trước đó.

Như vậy, tổng số tiền đã tiến hành kiểm đếm 1.602 tỷ đồng KĐTCLT phát hiện thiếu tổng số: 1.919.000.000 đồng.

Ngày 29/11/2015, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên tổ chức khám nghiệm hiện trường đối với khu vực gian đệm và kiểm tra 19 bó tiền KĐTCLT, loại mệnh giá 500.000 đồng, thể hiện: Cửa ra, vào gian đệm, các cửa vào ba kho tiền, cửa ra thang máy, cửa ra hành lang bảo vệ không thấy có dấu hiệu cạy phá, bất thường gì. Tiến hành kiểm tra 19 bó tiền của Ngân hàng H9, Ngân hàng N6 chi nhánh H8 đóng bó, phát hiện một số bó tiền bị đứt, mất hai bên đai nilon. Có các thép tiền ở giữa mỏng không bình thường, đai quần thép bị lệch và rách, có một số tờ tiền nhô ra phía đầu bó. Tiến hành kiểm đếm các bó tiền có đặc điểm như trên, phát hiện các thép tiền ở giữa các bó tiền (thép thứ 4,5,6,7,8) bị thiếu rất nhiều tờ, thép thiếu ít nhất 14 tờ, thép thiếu nhiều nhất là 31 tờ.

Khi NHNNVN-CNHY tiến hành kiểm đếm có mời đại diện các NHTMCP đến chứng kiến việc kiểm đếm đối với tiền do chính Ngân hàng đóng bó. Đại diện của một số NHTMCP đến chứng kiến, trước khi kiểm đếm có phát hiện và mô tả đặc điểm một số bó tiền bất thường, chụp ảnh những dấu hiệu bất thường của các bó tiền như: lệch đai quần bó, bó tiền lỏng, đai bằng nilon bị đứt, đứt mất đoạn;

thép tiền có đai bị lệch, rách, mỏng, bất thường; các thép tiền lệch, xộc xệch; có 01 đến 02 tờ tiền thò ra khỏi thép. Khi tiến hành kiểm đếm số tờ trong các bó tiền đều phát hiện các bó tiền, thép tiền có đặc điểm, dấu hiệu bất thường như trên, thiếu rất nhiều tờ trong một bó, tập trung thiếu ở các thép giữa bó.

Ngoài việc phát hiện tiền bị thiếu mang tính bất thường tương tự như các lần kiểm đếm trên, giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2015 cũng phát sinh thiếu tổng số: 363.100.000 đồng tiền ĐTCLT trong 82 bó tiền do các NHTMCP chi nhánh tỉnh H8 đóng bó. Việc thiếu tiền này cũng có dấu hiệu bất thường như đối với việc thiếu tiền trong các bó KĐTCLT như trên.

Kết quả điều tra đã làm rõ quy trình đóng bó, quản lý, chuyển giao tiền KĐTCLT cũng như ĐTCLT tại các NHTMCP, cụ thể như sau: Hàng ngày làm việc, NHTMCP phân loại, kiểm đếm, đóng bó tiền (ĐTCLT và KĐTCLT) bằng máy đếm tiền, quấn thép và đóng bó bằng máy ép chuyên dùng tại quầy giao dịch có nhiều mắt camera ở các góc độ cùng giám sát. Hết giờ làm việc, tiền được cho vào kho chuyên dùng quản lý, cuối ngày kiểm kê quỹ tiền mặt trong kho khớp với sổ sách, không thừa, không thiếu. Khi lượng tiền trong kho vượt quá định mức, NHTMCP ra lệnh điều chuyển về NHNNVN-CNH. Cán bộ được giao chuyển tiền tiến hành nhận tiền tại kho và cho vào bao rồi chuyển lên kết sắt có khóa mã, khóa chìa trên xe chuyên dùng mang đi nộp có sự giám sát của một bảo vệ áp tải tiền và một lái xe chuyên dụng vận chuyển tiền về NHNNVN-CNH để nộp. Khi vận chuyển tiền đến quầy giao dịch của NHNNVN-CNH giao cho thủ quỹ Quỹ nghiệp vụ phát hành (Trần Thị D3 làm thủ quỹ từ 19/7/2012 đến 26/11/2015), Thủ quỹ trực tiếp hoặc thủ quỹ cùng các kiểm ngân Trịnh Anh T2, Vũ Thị N1 tiến hành kiểm bó, đếm thép. Khi nhận tiền theo hình thức kiểm bó, đếm thép Nguyễn Thị L, Trịnh Anh T2, kiểm ngân Vũ Thị N1 và thủ quỹ Trần Thị D3 giám sát, kiểm tra tình trạng bó tiền rất kỹ, nếu bó tiền lỏng và mỏng, xộc xệch hoặc rách đứt đai quấn thép, tờ tiền nhô ra ngoài Nguyễn Thị L hoặc Trịnh Anh T2 hay kiểm ngân N1, thủ quỹ Duyên từ chối không nhận, trả lại các NHTMCP.

Quy trình tiếp nhận, đóng bao, bảo quản, chuyển giao tại NHNNVN-CNH: Trần Thị D3 làm thủ quỹ từ năm 2009 đến ngày 19/7/2012, bị cáo Nguyễn Thị L được giao nhiệm vụ thủ quỹ, sau đó được bổ nhiệm làm thủ quỹ từ ngày 19/7/2012. Khi kho nghiệp vụ phát hành chuyển tiền KĐTCLT sang kho dự trữ phát hành (ông K1 làm thủ kho) thì chỉ chuyển cả bao chứ không chuyển bó lẻ. Việc giao nhận tiền giữa hai kho (Duyên hoặc L là người giao, ông K1 là người nhận), D3 hoặc L là người trực tiếp giao, ông K1 là người trực tiếp nhận tiền có sự chứng kiến của Ban quản lý kho, kiểm soát viên. Ông Nguyễn Công K1 là người đổ bao ra, kiểm bó, đếm thép thấy đủ thì lại cho vào bao, đóng bao, niêm phong kẹp chì theo quy định. Sau khi giao nhận xong, ông K1 chuyển các bao tiền vào kho bảo quản nguyên niêm phong, kẹp chì trước sự chứng kiến của D3 hoặc Nguyễn Thị L, các thành phần ban quản lý kho tiền, kiểm soát viên. Khi chuyển về Kho tiền trung ương I - NHNNVN, ông Nguyễn Công K1 cũng xuất giao nguyên bao còn nguyên niêm phong, kẹp chì có sự chứng kiến của Ban quản lý kho tiền, kiểm soát viên và cán bộ Kho tiền trung ương I - NHNNVN. Do vậy,

không thể xảy ra việc thiếu hụt tiền trong các bó tiền trong bao được niêm phong, kẹp chì và bảo quản các bao tiền trong kho dự trữ phát hành được.

Quy trình chuyển tiền giữa NHNNVN chi nhánh các tỉnh và Kho tiền trung ương I, cụ thể như sau: Đối với các bó tiền ĐTCLT, sau khi nhận từ các NHTMCP nộp cho Quỹ nghiệp vụ phát hành, NHNNVN-CNHY có thể sang Kho dự trữ phát hành hoặc xuất chi cho các NHTMCP trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Khi kho dự trữ phát hành vượt mức cho phép thì thực hiện điều chuyển về Kho tiền trung ương I bảo quản, sau đó Kho tiền trung ương I tiếp tục điều chuyển về NHNNVN chi nhánh các tỉnh trong cả nước, được bảo quản trong kho dự trữ phát hành. Khi cần chi tiền ra thị trường, NHNNVN chi nhánh các tỉnh tiến hành điều chuyển tiền từ kho dự trữ phát hành sang kho nghiệp vụ phát hành để xuất tiền chi cho các NHTMCP. Việc chuyển tiền từ kho nghiệp vụ phát hành sang kho dự trữ phát hành; từ kho dự trữ phát hành đến kho tiền trung ương I; từ kho tiền trung ương I đến kho dự trữ phát hành NHNNVN các tỉnh; từ kho dự trữ phát hành sang kho nghiệp vụ phát hành đều thực hiện giao nhận số tiền tương đương cả bao tiền, không giao nhận bó lẻ. Khi giao nhận xong được đóng bao, niêm phong, kẹp chì đầu bao tiền có sự chứng kiến của cả bên giao, bên nhận, Ban quản lý kho tiền và kiểm soát viên nên không thể rút tiền trong các bó tiền được. Khi Quỹ nghiệp vụ phát hành NHNNVN-CNHY hoặc chi nhánh các tỉnh khác xuất chi cho các NHTMCP trên địa bàn thì NHNNVN chi nhánh các tỉnh thành lập Hội đồng kiểm đếm để tổ chức kiểm đếm theo tờ ngay tại quầy giao dịch của NHNNVN chi nhánh các tỉnh hoặc cho NHTMCP vận chuyển bằng xe chuyên dụng có bảo vệ áp tải đi kèm về trụ sở NHTMCP, sau đó NHTMCP thành lập Hội đồng kiểm đếm để kiểm đếm theo tờ các bó tiền nhận về và NHNNVN chi nhánh các tỉnh cử cán bộ đi chứng kiến việc kiểm đếm này. Toàn bộ quá trình nhận tiền, vận chuyển về trụ sở NHTMCP và tiến hành kiểm đếm đều có nhiều người tham gia, có sự chứng kiến của đại diện NHNNVN chi nhánh các tỉnh.

Quy định tiếp nhận, vận chuyển tiền trên đường về Kho tiền trung ương I cụ thể như sau: Khi lượng tiền tại kho dự trữ phát hành thuộc NHNNVN-CNHY vượt quá mức quy định thì đề nghị chuyển tiền, NHNNVN cử đoàn công tác cùng xe đặc chủng chở tiền, có cảnh sát bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt bảo vệ tiến hành nhận tiền tại NHNNVN-CNHY. Việc giao nhận được tiến hành công khai tại gian đệm có sự chứng kiến của Ban quản lý kho, kiểm soát viên NHNNVN-CNHY. Hình thức giao nhận là xuất bao nguyên niêm phong kẹp chì, sau đó cắt niêm phong bao tiền, đổ ra kiểm bó, đếm thép, nếu đủ tiếp tục đóng bao, niêm phong, kẹp chì bao tiền lại. Sau khi nhận được đủ tiền theo lệnh điều chuyển, các bao tiền đã nhận được đưa lên xe chuyên dụng, sau đó tổ trưởng tổ nhận tiền NHNNVN khóa kết trên xe chuyên dụng và giữ chìa khóa, tiến hành niêm phong lại. Cán bộ NHNNVN ngồi trên xe áp tải tiền (*không được ngồi trên xe chuyên dụng vận chuyển tiền*) có lực lượng công an bảo vệ đưa về Kho tiền trung ương I thuộc NHNNVN. Khi về đến kho tiền trung ương I, đại diện tổ nhận tiền, cảnh sát bảo vệ và đại diện Kho tiền trung ương I tiến hành kiểm tra niêm phong kết trên xe chuyên dụng chở tiền, thấy còn nguyên niêm phong mới chuyển các bao tiền còn nguyên niêm phong, kẹp chì vào kho của Kho tiền trung ương I bảo quản. Khi

chuyển trả lại NHNNVN-CNHY để kiểm đếm từng tờ trong mỗi bó, NHNNVN chuyển nguyên bao tiền còn nguyên niêm phong, kẹp chì lên xe chuyên dụng có lực lượng công an bảo vệ áp tải về đến NHNNVN-CNHY bàn giao như khi nhận. Tất cả các lần chuyển trả tiền lại cho N3 để kiểm đếm lại không phát hiện bao tiền nào bị rách, thủng hay mất niêm phong. Quá trình vận chuyển tiền từ Kho tiền trung ương I và ngược lại đều diễn ra bình thường, không dừng lại ở đâu. Kho tiền trung ương I thực hiện việc giao nhận tiền với NHNNVN chi nhánh các tỉnh phía bắc nhưng việc thiếu tiền có tính bất thường này chỉ xảy ra ở NHNNVN-CNHY.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị L, Trần Thị D3 thừa nhận NHNNVN và Kho dự trữ phát hành thuộc NHNNVN-CNHY cũng như Chi nhánh các tỉnh khác quản lý các bó tiền trong bao niêm phong kẹp chì, không quản lý bó tiền lẻ nên không thể rút tiền trong bó tiền được. Khi giao nhận tiền phải có đủ thành phần chứng kiến, giám sát của NHNNVN-CNHY và NHNNVN. Tiến hành đối chất giữa Nguyễn Thị L và các cán bộ NHTMCP, L đã thừa nhận các bó tiền có dấu hiệu bất thường như mô tả khi khám nghiệm hiện trường 19 bó tiền thì L không bao giờ nhận mà yêu cầu các NHTMCP mang về đóng bó, niêm phong lại.

Từ những phân tích và đánh giá trên, có đủ căn cứ xác định, việc thiếu hụt tiền bất thường trong các bó tiền nêu trên là do mất trong giai đoạn ở Quỹ nghiệp vụ phát hành thuộc NHNNVN-CNHY do Nguyễn Thị L và Trần Thị D3 làm thủ quỹ, có trách nhiệm quản lý, bảo quản an toàn tuyệt đối các loại tiền mặt thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành.

Tuy nhiên, trong số tiền: 1.919.000.000 đồng KĐTCLT thiếu hụt này, có bó tiền thiếu từ 01 đến 02 tờ, trị giá: 5.100.000 đồng là do nguyên nhân khách quan. Trong thời gian năm 2014 và 2015, Nguyễn Thị L có nghỉ phép 04 lần, đã bàn giao nhiệm vụ thủ quỹ, thủ kho nghiệp vụ phát hành cho anh Trần Hoài N2, chị Vũ Thị N1 và chị Trần Thị D3 có nhận các bó tiền KĐTCLT, trong đó có 30 bó thiếu tổng số: 223 tờ, trị giá: 149.900.000 đồng nhưng không xác định được thời điểm nhận bó tiền bị thiếu là do Nguyễn Thị L, anh N2, chị N1 hay chị D3 làm thủ quỹ, Thủ kho nghiệp vụ phát hành. Như vậy, Nguyễn Thị L chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền KĐTCLT bị thiếu hụt là: 1.764.000.000 đồng.

Trong số 82 bó tiền ĐTCLT bị thiếu hụt: 363.100.000 đồng, có đủ căn cứ xác định số tiền thiếu trong thời gian L làm thủ quỹ là: 92.700.000 đồng; Trần Thị D3 làm thủ quỹ là: 52.400.000 đồng. Khi D3, L nghỉ thì NHNNVN-CNHY đã phân công ông Trần Hoài N2, Đặng Thị H1, Nguyễn Thị H7 làm thủ quỹ thay có nhận 47 bó tiền ĐTCLT thiếu tổng số: 218.000.000 đồng nhưng không xác định được thời điểm nhận bó tiền bị thiếu là do Nguyễn Thị L, Đặng Thị H1, anh N2, chị H7 hay Trần Thị D3 làm Thủ quỹ.

Trước việc thiếu hụt tiền trong các bó tiền xảy ra trong nhiều năm, ngày 22/12/2011, NHNNVN-CNHY đã ban hành Công văn số: 1125 quy định khuyến khích các NHTMCP gia cố làm tăng an toàn bó tiền như biện pháp tăng thêm dây buộc, khò nilon bó tiền. Tuy nhiên, sau khi các NHTMCP thực hiện khò nilon lên các bó tiền để chống rút lõi, trong đó có cả tiền KĐTCLT và giai đoạn Nguyễn

Thị L làm thủ quỹ NHNNVN-CNHY thì L yêu cầu các NHTMCP không được khò nilon đối với tiền KĐTCLT. Theo quy định tại Nội quy phòng giao dịch quỹ nghiệp vụ phát hành do NHNNVN-CNHY ban hành ngày 26/3/2014: *“Trong giờ làm việc, các loại tiền phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp trong két sắt”*, tuy nhiên sau khi nhận tiền từ các NHTMCP, hầu hết các trường hợp đóng bao (không niêm phong kẹp chì) và chuyển vào gian đệm bảo quản. Thủ quỹ, kiêm ngân hoặc cả hai người có thể ra vào gian đệm để lấy tiền giao dịch không có kiểm soát. Việc làm này của L là trái sự chỉ đạo và Nội quy của NHNNVN-CNHY, không đảm bảo an toàn tiền mặt tại Quỹ nghiệp vụ phát hành.

Hành vi tiếp nhận, quản lý, bảo quản tiền không đúng quy định, không đảm bảo an toàn tiền mặt dẫn đến mất: **1.856.700.000 đồng tại Quỹ nghiệp vụ phát hành của Nguyễn Thị L đã vi phạm khoản 1 Điều 15 Quy định số 60/ngày 27/12/2006; khoản 1 Điều 20 Thông tư số 01/ngày 06/01/2014 của NHNNVN quy định về giao, nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá: “Thủ quỹ ...NHNNVN chi nhánh....chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối các loại tiền mặt thuộc quỹ nghiệp vụ phát hành (đối với N10)...”**. Do đó, Nguyễn Thị L với trách nhiệm là thủ quỹ, phải chịu trách nhiệm với việc mất: 1.856.700.000 đồng của Quỹ nghiệp vụ phát hành thuộc NHNNVN-CNHY theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Thông tư số: 01/ngày 06/01/2014.

Trần Thị D3 tiếp nhận, quản lý, bảo quản tiền không đúng quy định, không đảm bảo an toàn tuyệt đối tiền mặt tại Quỹ để người khác rút dẫn đến bị mất: 52.400.000 đồng tại Quỹ nghiệp vụ phát hành chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã có văn bản kiến nghị NHNNVN-CNHY tiến hành xử lý hành chính theo quy định.

2. Đối với việc thiếu hụt 02 bó tiền trong một bao tiền mệnh giá 100.000 đồng.

Ngày 08/12/2015, tại gian đệm của NHNNVN-CNHY tổ chức bàn giao 11 bao tiền, loại tiền KĐTCLT, mệnh giá 100.000 đồng từ Kho nghiệp vụ phát hành do Đặng Thị H1 - Trưởng phòng, kiêm thủ quỹ và thủ kho Quỹ nghiệp vụ phát hành quản lý (Bên giao) sang Kho dự trữ phát hành do ông Nguyễn Công K1 làm thủ kho (Bên nhận). Khi bàn giao có anh Đào Duy T9 - Trưởng phòng kế toán thanh toán và chị Nguyễn Thị T10 - Kiểm soát viên cùng chứng kiến, giám sát. Quá trình bàn giao, chị T10 dùng dao cắt hết niêm phong 11 bao tiền để xuống nền gian đệm gồm: 03 tờ niêm phong bao ghi ngày 13/11/2015; 01 tờ niêm phong bao ghi ngày 18/11/2015; 02 tờ niêm phong bao ghi ngày 27/11/2015 và 02 tờ niêm phong bao ghi ngày 04/12/2015. Trong số 11 niêm phong bao tiền này có 07 niêm phong bao tiền giai đoạn Nguyễn Thị L làm thủ quỹ, 04 bao tiền giai đoạn Đặng Thị H1 làm thủ quỹ. Tiếp theo, ông K1 đổ từng bao tiền ra kiểm bó, đếm thép. Khi ông K1 đổ đến bao thứ 2, kiểm bó thì phát hiện bao tiền này chỉ có 18 bó tiền, thiếu 02 bó tiền (trị giá 200.000.000 đồng).

Sau khi phát hiện bao tiền thiếu 02 bó, NHNNVN-CNHY tổ chức kiểm kê Quỹ nghiệp vụ phát hành và tổ chức tìm nhưng không thấy, xác định là đã bị mất 02 bó tiền. Sổ kiểm kê quỹ nghiệp vụ phát hành ngày 06/11/2015 phản ánh không

có bó tiền KĐTCLT mệnh giá 100.000 đồng mà chỉ có 539 tờ tiền KĐTCLT mệnh giá 100.000 đồng. Kiểm tra bảng kê nộp tiền, Sổ kiểm kê quỹ nghiệp vụ phát hành từ ngày 06/11/2015 đến ngày 26/11/2015 phòng tiền tệ, kho quỹ do bị cáo L làm thủ quỹ, kiêm thủ kho nghiệp vụ phát hành nhận 155 bó tiền mệnh giá 100.000 đồng, loại tiền KĐTCLT do các NHTMCP nộp, cụ thể: Ngân hàng C1 nộp 62 bó; Ngân hàng Đ3 bó; Ngân hàng Đ4 nộp 06 bó; Ngân hàng H9 nộp 05 bó; Ngân hàng N6 nộp 04 bó; Ngân hàng A2 nộp 06 bó; Ngân hàng B1 nộp 21 bó; Ngân hàng Q2 nộp 03 bó; NHNNVN-CNHY đóng 01 bó và Ngân hàng N5 nộp 11 bó. Toàn bộ 155 bó tiền nêu trên được L chỉ đạo và cùng Trịnh Anh T2 và kiểm ngân Vũ Thị N1 đóng vào 07 bao tiền, còn thừa 15 bó tiền Lệ đưa vào quản lý ở túi lưới trong kho nghiệp vụ phát hành.

Sổ kiểm kê quỹ nghiệp vụ phát hành ngày 24/11/2015 thể hiện số tiền KĐTCLT, mệnh giá: 100.000 đồng là 06 bao và 875 tờ. Như vậy, toàn bộ bó tiền KĐTCLT mệnh giá: 100.000 đồng do L nhận từ các NHTMCP đã được L cùng các kiểm ngân đóng bao, bảo quản trong bao niêm phong, kẹp chì.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 11 chiếc niêm phong bao tiền và tiến hành trưng cầu giám định chữ ký trên các niêm phong. Tại bản kết luận giám định số 368/C54 (P5) ngày 15/3/2016 của V - Bộ C2, kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký ở góc trên, bên phải tờ niêm phong bao tiền ký hiệu là A1, A2, A3 (03 niêm phong bao tiền ngày 13/11/2015) với chữ ký của bị cáo Lệ L5 cùng một người ký ra. Đủ căn cứ kết luận chữ ký thứ 2 tính từ trái sang phải, phía dưới trên tờ niêm phong bao tiền ký hiệu là A1, A2, A3 với chữ ký của Trịnh Anh T2 là cùng một người ký ra.

Ở giai đoạn phát hiện việc mất 02 bó tiền mới xảy ra, Cơ quan điều tra đã đề cho Nguyễn Thị L, Trịnh Anh T2, chị Vũ Thị N1 và các cán bộ NHNNVN-CNHY thường xuyên làm việc với L (ông K1, ông N2, ông T9, Vũ Thị L1 và Đặng Thị H1) tiến hành nhận dạng chữ ký trên 11 bao niêm phong thu giữ. Bản thân Nguyễn Thị L cũng như các người khác đều khẳng định chữ ký trên 03 niêm phong bao tiền ngày 13/11/2015 là của L và T2. Quá trình điều tra lại, Nguyễn Thị L không thừa nhận chữ ký trên 03 niêm phong bao tiền ngày 13/11/2015 là của L. Tuy nhiên, căn cứ lời khai ban đầu của L hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với lời khai của những người cùng làm việc với Lệ hàng ngày nên vẫn đủ cơ sở xác định 03 niêm phong bao tiền ngày 13/11/2015 là do Nguyễn Thị L và Trịnh Anh T2 ký ra.

Kiểm tra thực tế và thống kê các bó tiền bên trong 11 bao tiền có sự chứng kiến của Nguyễn Thị L và kiểm ngân Vũ Thị N1. Đối chiếu giữa ngày ghi trên niêm phong bó tiền trong từng bao tiền và ngày ghi trên niêm phong 11 bao tiền, có căn cứ xác định 02 bó tiền bị mất được đóng trong bao tiền có ngày ghi trên niêm phong bao tiền là ngày 13/11/2015. Cả 03 niêm phong bao tiền này đều do Nguyễn Thị L, Trịnh A Thuận đóng bao, niêm phong, kẹp chì và ký tên trên niêm phong.

Quá trình điều tra giai đoạn đầu, Nguyễn Thị L, Trịnh Anh T2 đã thừa nhận vi phạm trong việc đóng bao tiền niêm phong ngày 13/11/2015 bị thiếu 02 bó tiền,

trị giá: 200.000.000 đồng là do L, T2 đã kiểm tra không chính xác số bó khi đóng bao nên đã đóng thiếu dẫn đến bị mất 02 bó tiền tại Quỹ nghiệp vụ phát hành nhưng không phát hiện được. L đã tự nguyện nộp lại 100.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả. Sau đó, L đã thay đổi lời khai, cho rằng: Ngày 26/11/2015, L bàn giao Kho quỹ nghiệp vụ phát hành cho H1 theo bó nguyên niêm phong, tờ lẻ theo Điều 11 Thông tư số: 01/ngày 06/01/2014 của NHNNVN nên sau khi bàn giao xong cho H1 thì L hết trách nhiệm. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê ngày 26/11/2015 đối với Quỹ nghiệp vụ phát hành, Sổ kiểm kê Quỹ nghiệp vụ phát hành; biên bản giao nhận và lời khai của các thành viên tham gia kiểm kê, người đã từng làm thủ quỹ thay cho L khi nghỉ phép, có đủ căn cứ xác định: Khi tiến hành kiểm kê, Hội đồng kiểm kê tiến hành kiểm kê theo đầu bao nguyên niêm phong, theo bó lẻ hoặc theo tờ nếu có bó, tờ tiền lẻ. Do vậy, lời khai trên của L là không có căn cứ.

Hành vi đóng bao thiếu 02 bó tiền của bị cáo Nguyễn Thị L, Trịnh Anh T2 đã vi phạm khoản 2, Điều 4 Thông tư số: 01/ngày 06/01/2014 của NHNNVN “*Một bao tiền gồm 20 bó tiền cùng mệnh giá, cùng chất liệu*”. Việc thiếu hụt 02 bó tiền trong giai đoạn bị cáo L làm thủ quỹ có trách nhiệm bảo đảm an toàn tuyệt đối nên L còn vi phạm khoản 1, Điều 20 Thông tư số: 01/ngày 06/01/2014 của NHNNVN. Do vậy, Nguyễn Thị L, Trịnh Anh T2 phải liên đới chịu trách nhiệm đối với việc mất: 200.000.000 đồng này theo quy định tại khoản 1, Điều 67 Thông tư số: 01/ngày 06/01/2014 của NHNNVN.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 179; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2017 đến ngày 11/8/2017).

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ thủ quỹ, kiểm ngân trong hệ thống tín dụng Ngân hàng trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trịnh Anh T2, Nguyễn Văn Q, Vũ Viết T1, Đặng Thị H1, Vũ Thị L1; quyết định về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo, giải thích quy định về chế định án treo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/4/2024, bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L thay đổi kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt, thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội, xuất trình Biên lai chứng tỏ bị cáo đã tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 1.500.000.000 đồng và một số tài liệu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử (*viết tắt là HĐXX*) sửa bản án sơ thẩm theo

hướng chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N4, Ngân hàng N4 chi nhánh tỉnh H8, Ngân hàng N5 Chi nhánh H8, Ngân hàng thương mại cổ phần N6 Chi nhánh H8, Ngân hàng thương mại cổ phần C1 Chi nhánh H8, Ngân hàng thương mại cổ phần C1 Chi nhánh H8 đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, xác định bị cáo Nguyễn Thị L bị truy tố, xét xử về tội *“Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước”* theo khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan, mức hình phạt là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt, thể hiện thái độ thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng thời xuất trình thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới thể hiện bị cáo tích cực trong công tác thiện nguyện, quá trình công tác, bị cáo cũng đạt được một số thành tích nhất định và được tặng thưởng giấy khen; bản thân bị cáo cũng đang bị bệnh trầm cảm hiện đang phải điều trị và đang nuôi con nhỏ và đặc biệt là việc bị cáo xuất trình biên lai thể hiện đã tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 1.500.000.000 đồng; đại diện bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, trên cơ sở cân nhắc tới các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng, xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo xuống mức án 03 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L thay đổi kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội, tỏ ra thực sự ăn năn hối cải và xuất trình thêm được nhiều tình tiết giảm nhẹ mới đặc biệt là dù hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn nhưng đã đi vay mượn để bồi thường, khắc phục được tổng số tiền 1.600.000.000 đồng / 2.030.142.000 đồng gần bằng 4/5 số tiền phải bồi thường, khắc phục hậu quả; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, cho bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo; Căn cứ quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm

chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo Trịnh Anh T2, Nguyễn Văn Q, Vũ Viết T1, Đặng Thị H1, Vũ Thị L1; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với kết quả đối chất; kết quả kiểm tra hiện trường, kết quả kiểm đếm của NHNNVN-CNHY, các niêm phong đầu bao tiền, dữ liệu camera buổi giao nhận tiền tại gian đệm ngày 07, 08/11/2015, các Kết luận giám định, quy trình đóng bó, quản lý, chuyển giao tiền KĐTCLT cũng như ĐTCLT tại các NHTMCP, Quy trình tiếp nhận, đóng bao, bảo quản, chuyển giao tại NHNNVN-CNHY, Quy trình chuyển tiền giữa NHNNVN chi nhánh các tỉnh và Kho tiền trung ương I, Quy định tiếp nhận, vận chuyển tiền trên đường về Kho tiền trung ương I, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp, đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Thị L tiếp nhận, quản lý, bảo quản tiền không đúng quy định, không đảm bảo an toàn, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006; khoản 1 Điều 20 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của NHNNVN quy định về giao, nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, dẫn đến:

- *Thiếu hụt 1.919.000.000 đồng KĐTCLT và 200.000.000 đồng ĐTCLT:*

+ Ngày 07/9/2015, kho tiền I - NHNNVN nhận của ông K1 02 bó tiền mệnh giá 500.000 đồng, loại tiền KĐTCLT tại NHNNVN - CNHY. Do thấy 02 bó tiền lỏng bất thường kho tiền I không nhận, trả lại và yêu cầu đổi 02 bó khác. Sau đó NHNNVN - CNHY kiểm đếm đã phát hiện thiếu: 119 tờ tương đương: 59.500.000 đồng, được xác định bị rút trộm tại Quỹ nghiệp vụ phát hành do Lệ quản lý, phù hợp với nội dung Kết luận kiểm tra an toàn kho quỹ ngày 26/11/2015 của NHNNVN: Quỹ nghiệp vụ phát hành quản lý tiền ở gian đệm có nhiều rủi ro, người bình thường cũng có thể rút tờ tiền trong bó nguyên niêm phong mà không ảnh hưởng đến niêm phong của bó tiền.

+ Ngày 07/10/2015, L bàn giao bao tiền có 05 bó thiếu tờ sang kho dự trữ của ông K1, hình thức giao nhận là kiểm bó, đếm thép (*đủ 10 thép, niêm phong đóng bó đúng quy cách*), khi nhận ông K1 phát hiện 05 bó tiền lỏng bất thường không nhận, yêu cầu đổi 05 bó khác. NHNNVN - CNHY kiểm đếm phát hiện thiếu 41.000.000 đồng, được xác định bị rút trộm tại Quỹ nghiệp vụ phát hành do Lệ quản lý trước khi được đưa vào kho nghiệp vụ.

+ Ngày 11/10/2015, NHNNVN-CNHY kiểm tra số tiền 192.000.000.000 đồng mệnh giá: 500.000 đồng; 200.000 đồng tại Quỹ nghiệp vụ phát hành do Lệ quản lý và kho dự trữ của ông K1 phát hiện 30 bó tiền mệnh giá: 500.000 đồng; 200.000 đồng bị rút trộm 423.400.000 đồng, được xác định là bị rút trộm tại Quỹ nghiệp vụ phát hành do Lệ chịu trách nhiệm quản lý.

+ NHNNVN sau khi được báo cáo việc kiểm đếm bị thiếu hụt tiền đã chuyển trả lại 1.408.000.000.000 đồng các mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng, loại tiền KĐTCLT để NHNNVN - CNHY kiểm đếm và phát hiện bị rút trộm: 1.395.000.000 đồng, được xác định xảy ra tại gian đệm, kết sắt,

quầy giao dịch thuộc quỹ nghiệp vụ phát hành của NHNNVN – CNHY do Lê quản lý.

+ Sáng ngày 08/12/2015, tại gian đệm của NHNNVN-CNHY, khi Đặng Thị H1 và ông Nguyễn Công K1 tiến hành bàn giao 11 bao tiền, loại tiền KĐTCLT, mệnh giá 100.000 đồng từ Kho nghiệp vụ phát hành sang Kho dự trữ có sự chứng kiến, giám sát chéo của Trưởng phòng kế toán thanh toán và Kiểm soát viên đã phát hiện 01 bao tiền chỉ có 18 bó thiếu 02 bó theo quy định là 20 bó, được xác định là bị mất trước khi niêm phong kẹp chì bao tiền ở 01 trong 03 bao tiền đề ngày 13/11/2015 do L và T2 ký.

Kho tiền NHNNVN-CNHY, gian đệm, kết sắt ở quầy giao dịch không bị đột nhập từ bên ngoài. Đặc điểm bao tiền thiếu 02 bó trị giá 200.000 đồng còn nguyên niêm phong kẹp chì và đặc điểm 209 bó tiền nguyên niêm phong bị thiếu: 1.919.000.000 đồng đều có dấu hiệu: lỏng, xộc xệch, thiếu nhiều tờ tiền trong thép và thiếu tập trung ở các thép giữa bó tiền. Một số bó tiền gia cố đai nilon cứng bị đứt, đứt mất đoạn, vết đứt sạch, gọn nghi do bị cắt, một số thép tiền có từ 03 - 04 tờ tiền bị nhô ra ngoài từ 02cm đến 03cm nghi bị rút trộm. Đặc điểm các bó tiền như trên là do có người tác động vật lý lên bó tiền. Do không làm rõ được hành vi tham ô, trộm cắp chiếm đoạt số tiền trên nên Nguyễn Thị L là người quản lý phải chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Thông tư số: 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của NHNNVN.

- *Thiếu hụt số tiền 363.100.000 đồng loại tiền ĐTCLT từ năm 2009 - 2014:* Nguyễn Thị L được giao nhiệm vụ thủ quỹ, sau đó được bổ nhiệm làm thủ quỹ từ ngày 19/7/2012. Căn cứ kết quả kiểm đếm tiền trước khi đưa ra thị trường lưu thông của NHNNVN-CNHY và các NHNNVN Chi nhánh các tỉnh, thành phố trên cả nước. Từ năm 2009 đến năm 2014 NHNNVN - CNHY và NHNNVN Chi nhánh các tỉnh, thành phố trên cả nước kiểm đếm đã phát hiện và báo nợ về NHNNVN - CNHY, sau đó báo nợ các NHTMCP 82 bó tiền thiếu 828 tờ tương đương 363.100.000 đồng được xác định xảy ra tại quỹ nghiệp vụ phát hành thuộc NHNNVN – CNHY do Nguyễn Thị L quản lý. Do không làm rõ được hành vi tham ô, trộm cắp chiếm đoạt số tiền trên nên Nguyễn Thị L là người quản lý phải chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006 của NHNNVN trong giai đoạn quản lý Quỹ nghiệp vụ phát hành.

Như vậy, việc thiếu trách nhiệm của bị cáo Nguyễn Thị L đã dẫn đến thiệt hại tài sản của Nhà nước và phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền: 1.919.000.000 đồng (KĐTCLT) + 200.000.000 đồng (ĐTCLT) + 363.100.000 đồng (ĐTCLT từ năm 2009 đến năm 2014) - 5.100.000 đồng (trong số tiền 1.919.000.000 đồng KĐTCLT thiếu hụt có bó tiền thiếu từ 01 đến 02 tờ, tổng trị giá 5.100.000 đồng là do nguyên nhân khách quan) - 149.900.000 đồng (223 tờ trong 30 bó, tổng giá trị 149.900.000 đồng thiếu hụt trong thời gian Nguyễn Thị L nghỉ phép vào năm 2014 – 2015) = **2.327.100.000** đồng.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội “*Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước*” theo quy định tại

khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan, đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 41/NQ-QH của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị L, HĐXX thấy:

Tại cấp sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L không thừa nhận hành vi phạm tội, không thực sự thành khẩn khai báo, mới chỉ bồi thường, khắc phục hậu quả được số tiền 100.000.000 đồng nên chỉ được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ; Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái quy định pháp luật, việc thiếu trách nhiệm của L là người quản lý đã dẫn tới thiệt hại tài sản của Nhà nước nên đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra thực sự ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, mặc dù hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn nhưng bị cáo đã đi vay mượn và tiếp tục nộp số tiền 1.500.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả (như vậy, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả được tổng số 1.600.000.000 đồng / 2.030.142.000 đồng cho bị hại); tại phiên tòa, đại diện bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra, bị cáo còn xuất trình thêm một số tài liệu mới thể hiện bị cáo tích cực trong công tác thiện nguyện, quá trình công tác, bị cáo cũng đạt được một số thành tích nhất định và được tặng thưởng giấy khen; bản thân bị cáo cũng đang bị bệnh trầm cảm hiện đang phải điều trị và đang nuôi con nhỏ; đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, HĐXX sẽ xem xét áp dụng cho bị cáo.

Như vậy, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo phạm tội do thiếu trách nhiệm là lỗi vô ý, về hậu quả của vụ án, bị cáo đã bồi thường được gần 4/5 trách nhiệm dân sự của bị cáo; trên cơ sở cân nhắc, xem xét việc bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đặc biệt là thái độ thành khẩn, tỏ ra thực sự ăn năn hối cải cũng như thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên HĐXX quyết định áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố, xét xử; Do bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nơi cư trú ổn định, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như quy định do địa phương đề ra, xét bị cáo có khả năng tự cải tạo tại địa phương, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, HĐXX quyết định cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng đặc biệt của pháp luật, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với những người mặc dù có hành vi phạm tội nhưng không chiếm hưởng cá nhân, không có mục đích vụ lợi nào khác.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị L, cụ thể:

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 179; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 03 (ba) năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ thủ quỹ, kiểm ngân trong hệ thống tín dụng Ngân hàng trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị L, Trịnh Anh T2, Đặng Thị H1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng N4 tổng số tiền: 2.477.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị L phải bồi thường tổng số tiền: 2.030.142.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị L đã bồi thường số tiền 100.000.000 đồng tại Tòa án cấp sơ thẩm. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị L đã tiếp tục nộp số tiền 1.500.000.000 đồng theo Biên lai số 0000204 ngày 14/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên để bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng N4; Bị cáo Nguyễn Thị L còn phải bồi thường số tiền 430.142.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ và cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án nếu người phải thi hành chưa thi hành xong các khoản tiền bồi thường thì phải

chịu lỗi suốt theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bị cáo Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác (theo địa chỉ);
- UBND phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền